

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tường

2. Ông Nguyễn Văn Miêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 421/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Bích T, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu V, Phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T1, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lâm Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Trần Minh T1 tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 08/6/2016. Kết hôn xong cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian dài, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống

gia đình và nhiều vấn đề khác nhưng giữa chị và anh Trần Minh T1 không hàn gắn được, chị và anh Trần Minh T1 đã không còn sống chung với nhau, hai bên không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Trần Minh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T1. Chị không yêu cầu anh Trần Minh T1 cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Trần Minh T1 có hai con chung là Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018. Hai con chung hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T1 vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Bích T, cụ thể: Về hôn nhân: chị Lâm Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Minh T1. Chị Lâm Thị Bích T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung: chị Lâm Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018. Anh Trần Minh T1 được thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản. Chị Lâm Thị Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: chị Lâm Thị Bích T trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: chị Lâm Thị Bích T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Bị đơn anh Trần Minh T1 đăng ký thường trú tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lâm Thị Bích T và anh Trần Minh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Lâm Thị Bích T và anh Trần Minh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 08/6/2016. Do đó, hôn nhân của chị Lâm Thị Bích T và anh Trần Minh T1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Lâm Thị Bích T cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Trần Minh T1 có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã không còn sống chung với nhau nhưng không hàn gắn tình cảm.

Đối với anh Trần Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Trần Minh T1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Lâm Thị Bích T. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Lâm Thị Bích T và anh Trần Minh T1, cho thấy lời trình bày của chị Lâm Thị Bích T về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị và anh Trần Minh T1 là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Bích T đối với anh Trần Minh T1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Lâm Thị Bích T không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Trần Minh T1 nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị Lâm Thị Bích T và anh Trần Minh T1 có hai con chung là cháu Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018. Hiện tại, hai con chung đang sống chung với chị Lâm Thị Bích T và chị Lâm Thị Bích T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Thấy rằng, từ khi chị Lâm Thị Bích T và anh Trần Minh

T1 không còn sống chung thì chị Lâm Thị Bích T là người trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Minh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị Lâm Thị Bích T. Xét thấy, chị Lâm Thị Bích T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy hai cháu Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018 để các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung là cháu Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018 cho chị Lâm Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung. Chị Lâm Thị Bích T yêu cầu anh Trần Minh T1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Bích T trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Trần Minh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Lâm Thị Bích T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Trần Minh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Lâm Thị Bích T phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Bích T đối với anh Trần Minh T1. Chị Lâm Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Minh T1.

Chị Lâm Thị Bích T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Lâm K, sinh ngày 24/4/2016 và Trần Lâm Diệu L, sinh ngày 19/8/2018 cho chị Lâm Thị Bích T

được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lâm Thị Bích T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Lâm Thị Bích T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Minh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lâm Thị Bích T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Minh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005912 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú

